

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 05 - 3- 2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vinh Quang;

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2020 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/02/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị L; sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 2 QT, xã GT1, huyện GT, tỉnh ND; “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn Đ; sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 2 QT, xã GT1, huyện GT, tỉnh ND; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/02/2020, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Cao Văn Đ trước khi kết hôn tự nguyện tìm hiểu và đã được Ủy ban nhân dân xã GT1, huyện GT, tỉnh ND cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/3/2003 Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách

không hợp nhau và vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 cho tới nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 11/02/2020, bị đơn anh Cao Văn Đ trình bày: Anh và chị Phạm Thị L tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã GT1, huyện GT, tỉnh ND cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/3/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp nhau. Nay chị L có đơn ly hôn, anh đồng ý. Do bận công việc nên anh đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Chị L và anh Đ thống nhất trình bày: Vợ chồng có 03 con chung là Cao Văn Đ, sinh ngày 05/4/2005; Cao Văn Ch, sinh ngày 05/11/2007 và Cao Văn D, sinh ngày 25/8/2012, đều đang ở với mẹ. Nay ly hôn, chị L nhận nuôi cả 03 con chung và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/02/2020 và ngày 13/02/2020, các con chung là Cao Văn Đ, Cao Văn Ch và Cao Văn D đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 13/02/2020, đại diện chính quyền địa phương cùng đoàn thể, cơ sở xóm 2 QT, xã GT1, huyện GT, tỉnh ND cung cấp: Chị Phạm Thị L và anh Cao Văn Đ được Ủy ban nhân dân xã GT1 cấp giấy chứng nhận kết hôn và có tổ chức đám cưới theo tập quán địa phương và đã có 03 con chung. Sau kết hôn một thời gian, vợ chồng mâu thuẫn. Chị L, anh Đ không có vướng mắc gì về tài sản đối với cơ sở xóm đội. Nay chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, con chung theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Cao Văn Đ; giao 03 con chung là Cao Văn Đ, sinh ngày 05/4/2005; Cao Văn Ch, sinh ngày 05/11/2007 và Cao Văn D, sinh ngày 25/8/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Cao Văn Đ; địa chỉ: Xóm 2 QT, xã GT1, huyện GT, tỉnh ND. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Cao Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GT1, huyện GT, tỉnh ND vào ngày 06/03/2003 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau nên đã sống ly thân từ năm 2019 cho tới nay. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của chị L xin ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Căn cứ nguyện vọng của các đương sự, của con chung và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu; xét thấy cả 3 con chung đều đang ở với L. Chị L, anh Đ đều thống nhất để chị L nuôi cả 03 con chung nên tiếp tục giao cả 03 con chung là Cao Văn Đ, Cao Văn Ch và Cao Văn D cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Các đương sự không đề nghị nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; chị L, anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Cao Văn Đ.

2. Về con chung: Giao các con chung là Cao Văn Đ, sinh ngày 05/4/2005; Cao Văn Ch, sinh ngày 05/11/2007 và Cao Văn D, sinh ngày 25/8/2012 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số

0001204 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; nay đối trừ, chị L đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Cao Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền